TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 4 – 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Thanh Tuyến

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 483/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Mộng T**, sinh năm: 1988, Đăng ký thường trú: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp H, xã LĐ, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh L**, sinh năm: 1992, Đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (Văn bản đề ngày 30/3/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, bản tự khai, nguyên đơn là chị Hà Thị Mộng T trình bày: Chị và bị đơn là anh Nguyễn Minh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87/2012 ngày 12/12/2012). Chị T và anh L chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh L không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2017 đến nay, chị T và anh L sống ly thân, mỗi người một nơi, chị T đã trở về nhà cha mẹ ruột ở Sóc Trăng sinh sống. Hai bên không còn tới lui thăm hỏi. Trong thời gian chung sống, chị T và anh L có một con chung tên là Nguyễn Hà Phương, sinh ngày

21/10/2016. Hiện tại, cháu Phương đang sống chung với chị T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Minh L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/3/2018 anh L có ý kiến: Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên hai bên xảy ra mẫu thuẫn, chị T tự ý về nhà mẹ ruột sống. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Tuy nhiên, anh L vẫn còn thương chị T, muốn nối lại hạnh phúc với chị T nên không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh không có việc làm, thu nhập ổn định. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do anh bận làm ăn xa không có thời gian đến tham gia phiên tòa nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên các yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Minh L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Mộng T và anh Nguyễn Minh L L là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm trong đời sống vợ chồng nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn mất lòng tin với nhau. Thị T cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi vã, lục đục ngày càng trở nên căng thẳng và sâu sắc đến mức khong thể chịu đựng được nữa nên phải sống ly thân. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Hiện tại, chị T và anh L vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và cắt đứt quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vì: mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc bền vững. Việc xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh L có 01 con chung là Nguyễn Hà Phương, sinh ngày 21/10/2016. Chị T có yêu cầu được nuôi con, anh L cũng không phản đối việc nuôi con của chị T. Xét thấy, hiện tại cháu Phương do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo tốt về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương. Cho

nên, việc yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phương cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh L phản đối vì cho rằng hiện tại anh không có việc làm, thu nhập ổn định. Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, để đảm bảo mức sống tối thiểu của cháu Phương và khả năng của anh L cần buộc anh L cấp dưỡng hàng tháng với số tiền là 650.000 đồng (tương ứng ½ tháng lương cơ sở).

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T và anh L khai anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên ghi nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mộng T.

Xử cho chị Hà Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

2. *Về con chung:* Ghi nhận chị Hà Thị Mộng T và anh Nguyễn Minh L có một người con chung là Nguyễn Hà Phương, sinh ngày 21/10/2016.

Giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Buộc anh Nguyễn Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hà Phương mỗi tháng 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 17/4/2018.

Anh Nguyễn Minh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Hà Thị Mộng T và anh Nguyễn Minh L không có tài sản chung, nợ chung.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Hà Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012964 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ;